

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 12/6/2020.

V/v: “Tranh chấp chia
tài sản chung sau ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Huyền

Ông Nguyễn Như Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Quàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Triều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 tháng 02 và ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 42, đường S, phường V, thành phố R, tỉnh K.

- Bị đơn: Bà Thị Xuân L, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 90/2B đường H, phường 5, Quận 11, Thành phố H.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1988

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1998

Cùng địa chỉ: Số 90/2B, đường H, phường 5, Quận 11, Thành phố H.

3. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1982

Địa chỉ: Đường L, khu phố 2, phường A, thành phố R, tỉnh K.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị B*: Luật sư Nguyễn D – Văn phòng luật sư N, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua bà Phạm Thị B.

- *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

(Ông H, bà B, Luật sư D có mặt; bà L, bà X, bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-**Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày**: Ông và bà Bồ Thị Xuân L là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống ông và bà L có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988.

Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng ông có tài sản chung là căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại số 7/12 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh K được Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/8/2009 do vợ ông đứng tên.

Đến năm 2011 do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông có làm đơn yêu cầu xin ly hôn với bà L và được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử cho ly hôn theo Bản án số 36/2011/HNGĐ-PT ngày 26/8/2011. Quá trình giải quyết vụ việc ly hôn, bà L có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là căn nhà và đất nêu trên. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thì ông và bà L không có yêu cầu phân chia mà tự thỏa thuận, nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang không xem xét giải quyết.

Sau khi bản án xin ly hôn có hiệu lực pháp luật thì bà L cùng các con chuyển lên Thành phố H, sinh sống tại số 90/2B, đường H, phường 5, Quận 11, Thành phố H cho đến nay. Nhà và đất nêu trên do ông quản lý cho đến nay.

Nguồn gốc phần đất tọa lạc tại số 7/12, đường N, phường A là do vợ chồng ông, bà L nhận chuyển nhượng hợp pháp từ người khác và đã được Ủy ban nhân dân thành phố R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 496914 ngày 30/7/2014 cấp đổi (cấp lần 3) do bà L đứng tên chủ quyền.

Do hiện tại giữa ông và bà L không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết phân chia tài sản chung này. Do đó, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại số 7/12, đường N, phường A, thành phố R, tỉnh K.

Ông H thống nhất với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 16/11/2018 và chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần thẩm định giám định C, phần đất có giá trị là 2.293.380.000 đồng. Kết quả định giá đến nay đã hơn 06 tháng nhưng ông yêu cầu Tòa án căn cứ vào kết quả định giá này làm cơ sở giải quyết vụ án và không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá lại.

-Bị đơn bà Bô Thị Xuân L: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và ra thông báo mở phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn bà L vắng mặt không lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến và không cử người đại diện tham gia tố tụng.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh X: Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2019 bà Xuân xác nhận tài sản nhà và đất tại số 7/12 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh K là tài sản của cha mẹ là ông H và bà L, bà không yêu cầu và tranh chấp trong vụ kiện này. Đồng thời, bà Xuân có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T: Không có văn bản thể hiện ý kiến, không cử người đại diện tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B do bà Lê Huỳnh Diệu T đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 18/9/2014 bà B có nhận chuyển nhượng của bà L quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 7/12 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh K. Việc chuyển nhượng hai bên có lập thành hợp đồng và được Văn phòng công chứng ngày 18/9/2014. Tuy nhiên, sau khi hồ sơ chuyển nhượng được chuyển qua chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố R để làm thủ tục sang tên thì ông Nguyễn Thanh H có yêu cầu ngăn chặn nên chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tạm ngừng các thủ tục cho đến nay. Hiện tại phần đất trên chưa sang tên bà B.

Bà T cũng thống nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 16/11/2018 và chứng thư thẩm định giá cả Công ty cổ phần thẩm định giám định C, phần đất có giá trị 2.293.380.000 đồng. Bà T yêu cầu Tòa án căn cứ vào kết quả định giá này để làm cơ sở giải quyết vụ án, không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá lại.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì bà B yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà B không có yêu cầu độc lập, không tranh chấp gì trong vụ kiện này. Đối với hợp đồng chuyển nhượng giữa bà B và bà L, trường hợp có tranh chấp thì bà B sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

*** Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 52/2019/HNGĐ-ST** ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 271, 273, 243, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 220, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 98 Bộ luật đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 28, Điều 33, Điều 34, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H đối với bị đơn bà Bồ Thị Xuân L về việc “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

2. Công nhận phần đất tọa lạc tại số 7/12 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh K, diện tích 270m², thửa số 178+199, tờ bản đồ số 51, đất ở đô thị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 496914 được Ủy ban nhân dân thành phố R cấp ngày 30/7/2014, cấp đổi (lần 3) do bà Bồ Thị Xuân L đứng tên là tài sản chung hợp nhất của ông Nguyễn Thanh H và bà Bồ Thị Xuân L. Quyền sử dụng đất có giá trị theo kết quả định giá 2.293.380.000 đồng.

3. Giao cho ông Nguyễn Thanh H toàn quyền sở hữu tài sản là phần đất tọa lạc tại số 7/12 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh K, diện tích 270m², thửa số 178+199, tờ bản đồ số 51, đất ở đô thị, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BU 496914 được Ủy ban nhân dân thành phố R cấp ngày 30/7/2014, cấp đổi (lần 3). Vị trí, hình thể và số đo tứ cận của phần đất được thể hiện cụ thể trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 16/11/2018, được đính kèm theo bản án.

Buộc ông Nguyễn Thanh H bồi lại cho bà Bồ Thị Xuân L 50% giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá số tiền 1.146.690.000 đồng (một tỷ một trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật.

4. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Phạm Thị B và bà Bồ Thị Xuân L được Văn phòng công chứng K công chứng ngày 18/9/2014 đối với phần đất tọa lạc tại số 7/12, đường N, phường A, thành phố R, tỉnh K. Do các bên đương sự không có yêu cầu và không có tranh chấp trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các bên có tranh chấp liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nêu trên thì khởi kiện thành vụ kiện khác và sẽ được xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục của pháp luật.

5. Đối với căn nhà gắn liền với phần đất thì sau khi bà L và bà B ký kết hợp đồng chuyển nhượng, bà B tiến hành đập phá căn nhà nêu trên (là đồng xà bàn mà tại thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đã ghi nhận). Do ông H không yêu cầu bồi thường thiệt hại và cũng không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- Ngày 17/7/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh K kháng nghị, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm. Do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng và nội dung: không đình chỉ phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về căn nhà trên đất tranh chấp; chưa thu thập đầy đủ chứng cứ mà xác định QSD đất tại số 7/12 N là tài sản chung của ông H bà L là chưa có căn cứ vững chắc; chưa xem xét yêu cầu của người có quyền lợi liên quan là bà B về việc yêu cầu tiếp tục sử dụng quản lý tài sản tranh chấp là QSD đất tại 7/12 đường N, phường A; chưa giải quyết triệt để vụ án; án phí sơ thẩm tính chưa đúng.

- Ngày 19/7/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm về việc giao phần đất tại số 7/12 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh K cho ông Nguyễn Thanh H và yêu cầu xem xét quyền lợi của bà trong vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: ông không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị B và Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố R về việc xác định QSD đất tại số 7/12 đường N, phường A ông yêu cầu chia là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà L, mà đây là tài

chung của ông và bà L chưa được phân chia khi ly hôn. Bà L tự ý chuyển nhượng QSD đất cho bà B không có sự đồng ý của ông. Khi bà B hỏi ông QSD đất này thì ông có báo với bà B là tài sản của ông và bà L chưa chia. Do Tòa án sơ thẩm không giải thích cho ông về việc đảm bảo thi hành án nếu ông được chấp nhận khởi kiện nên ông không yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa bà L với bà B đối với QSD đất diện tích 270m² tại 7/12 đường N và không kháng cáo khi Bản án sơ thẩm không buộc bà B là người đang sử dụng đất giao trả cho ông.

Ông H yêu cầu Tòa án công nhận QSD đất 270m² tại số 7/12 đường N, phường A là tài sản chung của ông và bà L, yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa bà L với bà B đối với QSD đất trên. Buộc bà B giao QSD đất lại cho ông, ông giao bà ½ giá trị QSD đất theo định giá, hậu quả hủy hợp đồng giữa bà B và bà L thì các bên tự chịu theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà Bồ Thị Xuân L, người liên quan Nguyễn Thị Thanh X, Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt không lý do theo triệu tập hợp lệ của Tòa án.

- Người liên quan bà Phạm Thị B trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 18/9/2014 giữa bà Linh với bà đối với QSD đất 270m² tại 7/12 đường N, phường A để bà thực hiện thủ tục sang tên theo quy định pháp luật. Do bà L là người sử dụng đất hợp pháp chuyển nhượng cho bà. QSD đất và Giấy chứng nhận QSD đất theo chuyển nhượng 18/9/2014 bà Linh đã giao cho bà giữ và sử dụng đến nay. Khi bà nộp hồ sơ sang tên QSD đất thì bị ông H ngăn chặn nên đến nay chưa sang tên. Khi bà thỏa thuận chuyển nhượng với bà L có điện thoại hỏi ông H nhưng ông H không phản đối việc chuyển nhượng này. Bà không tự nguyện giao QSD đất tại 7/12 N cho ông H sử dụng. Lý do tại Tòa sơ thẩm bà không yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa bà L với bà là do Người đại diện của bà chưa được Tòa án giải thích quyền lợi theo quy định pháp luật. Bà yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để bà thương lượng với ông H và bà L. Tại phiên tòa ngày 12/6/2020 Bà B yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 18/9/2014 tại 7/12 N giữa bà L với bà để bà sang tên QSD đất theo quy định pháp luật.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà B, Luật sư Nguyễn D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà B. Do bà B hợp đồng chuyển nhượng QSD đất 270m² tại 7/12 N ngày 18/9/2014 là ngay tình, đã được công chứng, do ông H ngăn chặn nên chưa sang tên. Bà B chưa được thực hiện quyền yêu cầu độc lập công nhận hợp đồng là do không hiểu biết pháp luật. Bản án sơ thẩm tuyên giao QSD đất cho ông H khi bà B đang sử dụng là thiệt hại quyền lợi của bà B. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Giữ nguyên nhận định và đề nghị theo Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/7/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R. Xác định QSD đất và nhà trên đất tại số 7/12 N, phường A là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà L. Do khi Bản án phúc thẩm xử ly hôn, tài sản chung ông H và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau đó bà L làm thủ tục và được hợp thức hóa 2 thửa đất và được UBND thành phố cấp giấy chứng nhận QSD đất đứng tên cá nhân bà L. Do đó bà L chuyển nhượng cho bà B là hợp pháp và hợp đồng được công chứng. Ông H không chứng minh được hai bên thỏa thuận phân chia tài sản chung với bà L, Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ thỏa thuận giữa hai bên đối với tài sản trên mà xác định là tài sản chung là chưa có căn cứ vững chắc.

Cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết yêu cầu của bà B được tiếp tục quản lý sử dụng QSD đất trên là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà B, chưa giải quyết triệt để, toàn diện vụ án, khó thi hành và gây khó khăn cho đương sự. Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng và nội dung mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục sửa chữa được.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS 2015 chấp nhận Quyết định kháng nghị và Đơn kháng cáo của bà B, hủy bản án sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Bồ Thị Xuân L; người liên quan Nguyễn Thị Thanh X, Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt không lý do theo triệu tập hợp lệ của Tòa án. Căn cứ điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Về nội dung: Diện tích, vị trí QSD đất theo yêu cầu khởi kiện của ông H với bà L tại số 7/12 đường N, phường A, thành phố R được nguyên đơn và người liên quan thống nhất vị trí diện tích theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố R ngày 16/11/2018, diện tích 270m² đất ở đô thị. Bà L được UBND thành phố R cấp giấy chứng nhận số BU496914 ngày 30/7/2014, ngày 18/9/2014 bà L ký hợp đồng chuyển nhượng với bà B. Giấy chứng nhận QSD đất và đất hiện bà B đang giữ và sử dụng chưa sang tên. Giá trị QSD đất theo Kết quả định giá của Công ty cổ phần thẩm định-giám định C ngày 21/12/2018 là 2.293.380.000đồng.

[3] Xét kháng cáo của bà B: Tại phiên tòa phúc thẩm và Đơn kháng cáo của bà B xác nhận khi chuyển nhượng QSD đất với bà L, bà B có điện thoại hỏi ông H, nhưng không chứng minh được có sự đồng ý của ông H là QSD đất chuyển nhượng không thuộc tài sản chung của ông H và bà L. Xét thấy giấy chứng nhận độc thân của bà L hoặc giấy chứng nhận QSD đất được cấp đứng tên bà L trong trường hợp này cũng chưa là chứng cứ hợp pháp để xác định QSD đất trên là tài sản riêng của bà L, do nguồn gốc QSD đất này được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà L. Bà L hoặc bà B chưa cung cấp chứng cứ ông H thỏa thuận QSD đất này là thuộc quyền sử dụng của bà L sau khi ly hôn.

[4] Xét Quyết định Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố R: Quyết định kháng nghị cho rằng QSD đất tại số 7/12 N theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H không thuộc tài sản chung của ông H và Bà L mà thuộc tài sản hợp pháp của bà L, do bà L được nhập thừa và đứng tên giấy chứng nhận QSD đất sau khi ly hôn và theo Công văn của UBND thành phố R cấp giấy chứng nhận cho bà L là phù hợp thủ tục. Nhận định này của Quyết định kháng nghị mâu thuẫn phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm xác định QSD đất tranh chấp là tài sản chung của ông H và bà L. Xét về trách nhiệm chứng minh QSD đất tranh chấp là tài sản riêng của bà L thuộc về nghĩa vụ của bà L, nguyên đơn ông H xác định là tài sản chung theo các chứng cứ Tòa án sơ thẩm thu thập là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của bà B và kháng nghị của Viện Kiểm sát thành phố R về xem xét yêu cầu của bà B tiếp tục sử dụng QSD đất tranh chấp: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo bằng văn bản cho bà B thực hiện quyền yêu cầu độc lập, tại phiên tòa sơ thẩm cũng thể hiện Hội đồng xét xử sơ thẩm hỏi nguyên đơn và bà B về thực hiện quyền yêu cầu đối với Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất trên giữa bà L và bà B, nhưng nguyên đơn ông H và Người liên quan Bà B không yêu cầu giải quyết hợp đồng cho rằng không am hiểu pháp luật và chưa được cấp sơ thẩm giải thích quyền lợi theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm qua giải thích của Hội đồng xét xử ông H yêu cầu hủy Hợp đồng, bà B yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày ngày 18/9/2014 giữa bà L và bà B đối với QSD đất tranh chấp.

Xét thấy Bản án sơ thẩm công nhận QSD đất tranh chấp tại 7/12 N, Phường A là tài sản chung của ông H và bà L là có căn cứ. Tuy nhiên Bản án sơ thẩm giao QSD đất cho ông H, buộc ông H giao $\frac{1}{2}$ giá trị QSD đất cho bà L nhưng không giải quyết hợp đồng chuyển nhượng giữa bà L với bà B để buộc bà B giao QSD đất cho ông H, với lý do các đương sự không có yêu cầu tranh chấp trong vụ án này đối với Hợp đồng chuyển nhượng giữa bà L với bà B là chưa giải quyết toàn diện vụ án tranh chấp chia tài sản và không đảm bảo thi hành án. Việc thiếu sót này của cấp sơ thẩm không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm.

Đối với thiếu sót của Bản án sơ thẩm về tính án phí, không đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện khi nguyên đơn rút một phần khởi kiện về yêu cầu chia nhà trên đất, cần rút kinh nghiệm chung.

Do vậy trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh K.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, một phần kháng cáo của bà B, hủy bản án sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố R. Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố R thụ lý xét xử lại theo thủ tục chung.

[6] Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định khi vụ án đưa ra giải quyết lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy, nên bà B không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố R.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 52/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá về việc” chia tài sản chung sau ly hôn” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H, bị đơn bà Bô Thị Xuân L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B, bà Nguyễn Thị Thanh X, Nguyễn Thị Thanh T.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Được xác định khi vụ án đưa ra giải quyết lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị B không phải nộp. Bà B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007146 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh K.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh K;
- TAND TP. R;
- THA dân sự TP. R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Nguyễn Thị Kim Hương

